

Phong trào “Hòa bình -Trung lập” của Phật giáo miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ

ISSN: 2734-9195 08:05 14/09/2025

Phong trào “Hòa bình - Trung lập” vì thế không chỉ là một trang sử đấu tranh của Phật giáo miền Nam, mà còn là bài học lịch sử về sức mạnh của tinh thần bất bạo động, sự đoàn kết dân tộc và khả năng định hình tiến trình chính trị thông qua tiếng nói đạo đức.

Tác giả: **Phạm Quốc Trung (1) - TS. Ngô Minh Hiệp (2)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" Tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Mở đầu

Trong lịch sử hiện đại Việt Nam, phong trào “Hòa bình - Trung lập” của Phật giáo miền Nam giai đoạn kháng chiến chống Mỹ (1954–1975) là một hiện tượng chính trị - tôn giáo đặc biệt, phản ánh rõ nét tinh thần nhập thế, yêu nước và khát vọng độc lập dân tộc của Phật giáo Việt Nam. Phong trào này xuất hiện trong bối cảnh miền Nam rơi vào vòng xoáy chiến tranh, dưới sự can thiệp sâu rộng của Hoa Kỳ và sự tồn tại của chế độ Việt Nam Cộng hòa với đường lối chính trị lệ thuộc ngoại bang, đàn áp dân chủ và tôn giáo. Khi chiến tranh leo thang, tiếng nói phản đối bạo lực và kêu gọi giải pháp hòa bình của giới lãnh đạo Phật giáo đã trở thành một phần quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội miền Nam, góp phần tạo nên áp lực đối với chính quyền đương thời và tác động đến dư luận quốc tế.

Phật giáo Việt Nam vốn mang truyền thống đồng hành cùng dân tộc, không tách rời khỏi những biến động chính trị - xã hội của đất nước. Trong thời kỳ này, nhiều vị tăng sĩ tiêu biểu như Thích Trí Quang, Thích Thiện Minh... đã không chỉ vận dụng giáo lý từ bi, bất bạo động để phản đối chiến tranh, mà còn thể hiện bản lĩnh chính trị khi đưa ra yêu sách “Hòa bình - Trung lập” nhằm tìm kiếm con đường thoát khỏi sự chi phối của các cường quốc. Phong trào không chỉ là một phản ứng trước tình trạng đàn áp Phật giáo sau biến cố Phật đản 1963, mà còn

là một chiến lược nhằm khẳng định quyền tự quyết của dân tộc và sự độc lập về chính trị.

Với các tuyên ngôn, thông cáo báo chí, hoạt động vận động quốc tế và các hình thức đấu tranh ôn hòa, phong trào “Hòa bình - Trung lập” đã trở thành một kênh truyền thông mạnh mẽ, lan tỏa tinh thần dân tộc và hòa bình đến đông đảo quần chúng. Nó không chỉ tạo ra sự đoàn kết trong nội bộ Phật giáo, mà còn mở rộng sự liên kết với các tầng lớp trí thức, sinh viên, học sinh và những lực lượng yêu chuộng hòa bình khác.

Tuy nhiên, phong trào cũng đối mặt với nhiều thách thức và hạn chế, từ sự đàn áp của chính quyền, áp lực từ các thế lực ngoại bang, cho đến những bất đồng nội bộ. Dù vậy, xét trên tổng thể, phong trào “Hòa bình - Trung lập” vẫn là một dấu ấn lịch sử đặc biệt, thể hiện sự dẫn thân chính trị của Phật giáo miền Nam trong giai đoạn cam go nhất của dân tộc, đồng thời để lại nhiều bài học quý báu về vai trò của tôn giáo trong đấu tranh vì hòa bình và thống nhất đất nước.

2. Bối cảnh hình thành phong trào “Hòa bình - Trung lập”

2.1. Tình hình chính trị - xã hội miền Nam (1954-1963)

Giai đoạn 1954-1963 mở ra một bối cảnh chính trị - xã hội đặc thù ở miền Nam Việt Nam, khi khu vực này hình thành dưới sự bảo trợ và can thiệp sâu của Hoa Kỳ sau Hiệp định Genève. Chính quyền Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm lãnh đạo xây dựng mô hình nhà nước tập quyền, dựa trên hệ tư tưởng chống cộng tuyệt đối, đồng thời củng cố quyền lực mang tính gia tộc với sự hậu thuẫn của Washington (3). Sự phụ thuộc lớn vào viện trợ và cố vấn Mỹ khiến chính quyền này bị xem là một thiết chế bán thuộc địa, thiếu tính độc lập trong hoạch định và thực thi chính sách.

Trên phương diện xã hội, chiến dịch “tố cộng diệt cộng” và chương trình “ấp chiến lược” được triển khai như những biện pháp an ninh nhưng thực chất đã dẫn đến cưỡng bức di dân, phá vỡ cấu trúc kinh tế - xã hội truyền thống, tạo ra làn sóng bất mãn sâu rộng trong quần chúng, đặc biệt ở nông thôn (4). Cùng với đó, chính sách tôn giáo mang tính thiên vị Công giáo - thể hiện qua việc ưu ái phân bổ đất đai, ngân sách, nhân sự cho cộng đồng này - đã khoét sâu mâu thuẫn với cộng đồng Phật giáo vốn chiếm đại đa số dân số miền Nam. Những bất bình này không chỉ đơn thuần mang tính tôn giáo mà nhanh chóng biến thành vấn đề chính trị, làm xói mòn tính chính danh của chế độ.



Phong trào đồng khởi toàn miền Nam (ảnh: Internet)

Từ năm 1960, khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời và thu hút sự ủng hộ của nhiều tầng lớp bị gạt ra bên lề, đời sống chính trị miền Nam càng thêm phân hóa. Song song, Phật giáo - với tiềm lực tổ chức rộng khắp và truyền thống nhập thế - nổi lên như một lực lượng xã hội - chính trị có khả năng huy động quần chúng và tạo áp lực đối với chính quyền. Cao trào này đạt đỉnh trong biến cố Phật đản 1963 tại Huế, khi chính quyền sử dụng bạo lực trấn áp Phật tử, dẫn tới chuỗi sự kiện tự thiêu, tuyệt thực và vận động quốc tế, buộc Hoa Kỳ phải cân nhắc lại sự hậu thuẫn đối với chế độ Diệm.

Nhìn chung, giai đoạn 1954-1963 chứng kiến một miền Nam Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng chính trị, chia rẽ xã hội và mất dần tính chính danh cầm quyền. Chính trong môi trường này, các phong trào tôn giáo - tiêu biểu là phong trào “Hòa bình - Trung lập” của Phật giáo - xuất hiện như một phản ứng tất yếu, kết hợp giữa lý tưởng hòa bình, tinh thần dân tộc và yêu sách độc lập trước áp lực ngoại bang.

2.2. Phật giáo với truyền thống yêu nước và nhập thế

Phật giáo Việt Nam, từ khi du nhập vào đất nước, đã sớm hòa quyện với lịch sử dân tộc, trở thành một lực lượng tinh thần và xã hội gắn bó mật thiết với vận mệnh quốc gia. Truyền thống “hộ quốc an dân” không chỉ thể hiện ở tư tưởng từ bi, bất bạo động, mà còn ở tinh thần nhập thế, sẵn sàng tham gia vào đời sống chính trị - xã hội nhằm bảo vệ độc lập, chủ quyền và an sinh cộng đồng (5). Từ thời Lý - Trần, Phật giáo đã đóng vai trò quan trọng trong việc cố kết

lòng dân và hỗ trợ triều đình trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, tạo nên tiền lệ lịch sử cho mối liên hệ giữa tôn giáo và sự nghiệp dân tộc.

Bước sang thế kỷ XX, trong bối cảnh thực dân và đế quốc xâm lược, Phật giáo tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước thông qua các phong trào chấn hưng, các hoạt động giáo dục, từ thiện và đấu tranh chính trị - xã hội. Tại miền Nam Việt Nam sau 1954, tinh thần nhập thế này càng được khẳng định, nhất là khi chính quyền Việt Nam Cộng hòa áp dụng chính sách tôn giáo thiên vị, vi phạm nguyên tắc bình đẳng tín ngưỡng. Nhiều tăng sĩ, tiêu biểu như Thích Trí Quang, Thích Thiện Minh, đã vận dụng giáo lý Phật giáo kết hợp với ngôn ngữ chính trị để kêu gọi hòa bình, chống bạo lực và phản đối sự lệ thuộc ngoại bang (6).

Khái niệm “nhập thế” trong Phật giáo Việt Nam không chỉ đơn thuần là tham gia đời sống xã hội, mà còn bao hàm việc ứng dụng trí tuệ và từ bi vào việc giải quyết mâu thuẫn chính trị - xã hội, góp phần định hướng dư luận và tạo nền tảng đạo đức cho phong trào đấu tranh (7). Sự hiện diện của các tổ chức Phật giáo, từ cơ sở chùa chiền đến mạng lưới báo chí, trường học, đã trở thành công cụ huy động quần chúng và lan tỏa thông điệp hòa bình một cách hiệu quả.

Truyền thống yêu nước và nhập thế của Phật giáo miền Nam không thể tách rời khỏi bối cảnh văn hóa dân tộc, nơi tôn giáo luôn là một thành tố của sức mạnh mềm quốc gia. Trong phong trào “Hòa bình - Trung lập”, truyền thống này được tái hiện một cách rõ nét: Phật giáo không chỉ bảo vệ quyền lợi tôn giáo, mà còn chủ động định hình một giải pháp chính trị mang tính dân tộc, chống lại cả xu hướng cực đoan chiến tranh và sự áp đặt từ bên ngoài. Qua đó, Phật giáo miền Nam đã khẳng định vị thế như một lực lượng xã hội - chính trị quan trọng, tiếp nối di sản hàng nghìn năm đồng hành cùng dân tộc.

3. Nội dung và diễn biến chính của phong trào “Hòa bình - Trung lập”

3.1. Tuyên ngôn và yêu sách của Phật giáo miền Nam (1963)

Biến cố Phật đản ngày 08/05/1963 tại Huế - khi lực lượng an ninh và quân đội Việt Nam Cộng hòa nổ súng, sử dụng lựu đạn vào đoàn Phật tử đang treo cờ và tham gia lễ rước - đã làm chết và bị thương nhiều người, trở thành chất xúc tác mạnh mẽ cho một phong trào đấu tranh quy mô lớn của Phật giáo miền Nam. Sự kiện này không chỉ là phản ứng tức thời trước lệnh cấm treo cờ tôn giáo do chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành, mà còn là hệ quả của nhiều năm áp

dụng chính sách thiên vị Công giáo, hạn chế nghiêm trọng quyền tự do tín ngưỡng của cộng đồng Phật tử chiếm đại đa số dân số miền Nam (8).

Ngày 10/05/1963, Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo được thành lập và ngay lập tức công bố “Tuyên ngôn của Phật giáo Việt Nam”, văn kiện trung tâm của phong trào đấu tranh. Tuyên ngôn gồm 5 yêu sách:

- (1) Thu hồi vĩnh viễn chỉ thị cấm treo cờ Phật giáo và bảo đảm quyền treo cờ tôn giáo trong các dịp lễ trọng;
- (2) Thực thi quyền bình đẳng tôn giáo như quy định trong Hiến pháp 1956, chấm dứt các chính sách và biện pháp ưu đãi Công giáo;
- (3) Chấm dứt mọi hành vi bắt bớ, khủng bố đối với Tăng, Ni và Phật tử;
- (4) Bảo đảm quyền tự do hành đạo, tự do truyền bá giáo lý và tổ chức các hoạt động tôn giáo không bị can thiệp;
- (5) Bồi thường thỏa đáng cho các nạn nhân của biến cố Phật đàn và trừng trị nghiêm minh những kẻ chịu trách nhiệm.

Về hình thức, tuyên ngôn thể hiện sự kết hợp giữa ngôn ngữ pháp lý và ngôn ngữ đạo đức. Các yêu sách được trình bày dựa trên nguyên tắc pháp quyền, viện dẫn Hiến pháp và các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền, đồng thời được nâng đỡ bởi tinh thần từ bi, bất bạo động của Phật giáo (9). Sự kết hợp này giúp phong trào giữ được tính chính danh kép: vừa là một cuộc đấu tranh bảo vệ quyền lợi tôn giáo, vừa là hành động chính trị - xã hội mang giá trị phổ quát.



(Ảnh: Internet)

Tuyên ngôn không chỉ phản ánh phản ứng của Phật giáo trước chính sách đàn áp, mà còn cho thấy chiến lược đấu tranh thông minh: tận dụng tính chất ôn hòa của tôn giáo để mở rộng mặt trận chính trị, thu hút sự đồng cảm của các tầng lớp khác, đặc biệt là trí thức, sinh viên, học sinh, và một bộ phận quân nhân vốn bất mãn với chế độ (10). Truyền thông Phật giáo, cùng với báo chí quốc tế, nhanh chóng đưa tin về tuyên ngôn và 5 yêu sách, biến nó thành một văn kiện biểu tượng của phong trào chống chế độ Diệm.

Phản ứng của chính quyền ban đầu mang tính đối phó: chấp nhận đàm phán nhưng đồng thời tiếp tục sử dụng bạo lực nhằm trấn áp. Điều này khiến các yêu sách của Phật giáo không được thực thi đầy đủ, đẩy phong trào sang giai đoạn cao trào, với các hình thức đấu tranh quyết liệt hơn, bao gồm tuyệt thực, tự thiêu và vận động quốc tế. Chính sự thất bại của chính quyền trong việc đáp ứng những yêu cầu cơ bản và chính đáng này đã góp phần làm mất tính chính danh, dẫn đến sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm vào ngày 01/11/1963.

Như vậy, “Tuyên ngôn của Phật giáo Việt Nam” và 5 yêu sách năm 1963 không chỉ là một bản liệt kê các đòi hỏi tôn giáo, mà là một văn kiện chính trị - xã hội quan trọng, kết tinh truyền thống nhập thế, yêu nước của Phật giáo và phản ánh khát vọng hòa bình, công bằng, bình đẳng của đông đảo quần chúng miền Nam trong bối cảnh chiến tranh và áp bức.

3.2. Vai trò của các tăng sĩ tiêu biểu

Phong trào “Hòa bình - Trung lập” năm 1963 của Phật giáo miền Nam không thể tách rời khỏi vai trò lãnh đạo, tổ chức và định hướng của một số tăng sĩ tiêu biểu. Trong số đó, Hòa thượng Thích Trí Quang được xem là linh hồn của phong trào, với khả năng kết hợp giáo lý từ bi, bất bạo động với lập luận pháp lý và yêu sách chính trị nhằm huy động sức mạnh quần chúng. Ông không chỉ điều phối các hoạt động đấu tranh trong nước mà còn khéo léo vận động dư luận quốc tế, đưa vấn đề đàn áp tôn giáo ở miền Nam ra trước công luận thế giới, từ đó tạo áp lực lên chính quyền Ngô Đình Diệm (11). Với chiến lược “lấy ôn hòa đối kháng bạo lực”, Thích Trí Quang đã duy trì được hình ảnh bất bạo động của phong trào, đồng thời bảo vệ tính chính danh của Phật giáo trong bối cảnh chính trị căng thẳng.

Bồ tát Thích Quảng Đức, qua hành động tự thiêu ngày 11/06/1963, đã tạo ra một biểu tượng cao cả của sự hy sinh vì tự do tín ngưỡng và hòa bình dân tộc. Hình ảnh này nhanh chóng lan truyền ra toàn thế giới, làm chấn động dư luận quốc tế, buộc Hoa Kỳ phải cân nhắc lại chính sách ủng hộ chế độ Diệm (12). Hành động của Thích Quảng Đức không chỉ khơi dậy tinh thần đấu tranh bất khuất của Phật giáo, mà còn trở thành điểm tựa tinh thần cho các phong trào phản kháng khác.

Thượng tọa Thích Thiện Minh giữ vai trò then chốt trong việc củng cố nội bộ và duy trì kỷ luật phong trào. Với vai trò lãnh đạo trong Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, ông bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các hệ phái và các cơ sở chùa, đồng thời ngăn chặn nguy cơ phong trào bị lôi kéo vào bạo động hay chia rẽ nội bộ.

Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, Hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, tuy tuổi cao sức yếu nhưng sự ủng hộ và hiện diện của ông trong các hoạt động đấu tranh đã mang đến cho phong trào tính chính danh tối cao (13). Uy tín tôn giáo và vị thế lãnh đạo của ông khẳng định đây là lập trường chung của giới Phật giáo miền Nam chứ không phải hành động riêng lẻ.

Ngoài ra, những tăng sĩ trẻ như Thích Quang Độ và Thích Tâm Châu đóng vai trò quan trọng trong việc trực tiếp chỉ đạo các cuộc tuyệt thực, biểu tình và tiếp xúc báo chí quốc tế. Họ là cầu nối giữa lãnh đạo tinh thần và lực lượng quần chúng, góp phần duy trì khí thế đấu tranh liên tục từ tháng 5 đến tháng 11/1963.

Như vậy, các tăng sĩ tiêu biểu không chỉ là lãnh tụ tôn giáo mà còn là những nhà hoạt động xã hội - chính trị sắc bén, biết vận dụng uy tín cá nhân, giáo lý Phật giáo và bối cảnh quốc tế để đưa phong trào “Hòa bình - Trung lập” trở thành một trong những phong trào tôn giáo - chính trị có ảnh hưởng sâu rộng

nhất trong lịch sử hiện đại Việt Nam.

3.3. Tổ chức và truyền thông Phật giáo

Trong phong trào “Hòa bình - Trung lập” năm 1963, yếu tố tổ chức và truyền thông đóng vai trò quyết định, giúp phong trào Phật giáo miền Nam duy trì sức mạnh quần chúng, mở rộng ảnh hưởng và tạo sức ép chính trị cả trong và ngoài nước. Về mặt tổ chức, lực lượng nòng cốt của phong trào là Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, được thành lập ngày 10/05/1963 với sự tham gia của đại diện các hệ phái và tổ chức Phật giáo lớn tại miền Nam (14). Cơ cấu này cho phép phong trào vượt qua sự phân tán vốn có giữa các tông phái, hình thành một khối đoàn kết thống nhất, đồng thời bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo tinh thần và cơ sở quần chúng.

Hệ thống tổ chức Phật giáo thời kỳ này được vận hành theo mô hình mạng lưới chùa chiền trải khắp các đô thị và nông thôn, đóng vai trò vừa là trung tâm sinh hoạt tôn giáo, vừa là điểm tập hợp quần chúng, tổ chức mít-tinh, cầu siêu, tuyệt thực. Đặc biệt, các chùa lớn như Xá Lợi (Sài Gòn), Từ Đàm (Huế), Ấn Quang (Sài Gòn) trở thành “đại bản doanh” của phong trào, nơi lãnh đạo công bố tuyên ngôn, tiếp xúc báo chí, và chỉ đạo các cuộc xuống đường (15). Sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, từ cấp lãnh đạo trung ương đến các nhóm vận động địa phương, đã giúp phong trào duy trì được nhịp độ đấu tranh liên tục, bất chấp sự đàn áp của chính quyền.

Về mặt truyền thông, Phật giáo miền Nam đã tận dụng tối đa các phương tiện hiện có, từ báo chí tôn giáo đến mạng lưới thông tin quốc tế. Tờ Giác Ngộ, Hải Triều Âm, cùng nhiều ấn phẩm Phật giáo địa phương đóng vai trò phổ biến thông tin, kêu gọi ủng hộ và định hướng dư luận Phật tử. Đồng thời, lãnh đạo phong trào chủ động tiếp xúc với phóng viên nước ngoài, cung cấp hình ảnh và tư liệu về các vụ đàn áp, tự thiêu, tuyệt thực, nhằm đưa vấn đề ra trước công luận quốc tế. Những hình ảnh như vụ tự thiêu của Bồ tát Thích Quảng Đức được truyền qua các hãng thông tấn lớn đã tạo ra sức ép ngoại giao đáng kể đối với chính quyền Ngô Đình Diệm và cả Hoa Kỳ (16).

Truyền thông Phật giáo không chỉ giới hạn ở việc đưa tin mà còn mang tính chất giáo dục - vận động. Các bài viết, thông cáo, diễn văn đều kết hợp giáo lý Phật giáo với ngôn ngữ nhân quyền và pháp luật, giúp phong trào giữ được tính chính danh tôn giáo, đồng thời mở rộng ảnh hưởng đến những tầng lớp ngoài Phật giáo, bao gồm trí thức, sinh viên, học sinh và một bộ phận công chức, quân nhân.

Có thể nói, nhờ hệ thống tổ chức chặt chẽ và chiến lược truyền thông hiệu quả, phong trào “Hòa bình - Trung lập” đã vượt ra khỏi phạm vi một cuộc phản kháng tôn giáo, trở thành một phong trào chính trị - xã hội rộng lớn, gây tiếng vang mạnh mẽ trong và ngoài nước, góp phần quan trọng vào tiến trình làm suy yếu chế độ Việt Nam Cộng hòa trước khi sụp đổ vào cuối năm 1963.

4. Ý nghĩa và đánh giá phong trào

4.1. Tác động đến dư luận trong và ngoài nước

Phong trào “Hòa bình - Trung lập” của Phật giáo miền Nam năm 1963 đã gây ra những chấn động sâu rộng đối với dư luận trong nước, trước hết ở khả năng tập hợp và duy trì sức mạnh quần chúng trong một thời gian dài. Các cuộc biểu tình, tuyệt thực, cầu siêu quy mô lớn tại Huế, Sài Gòn và nhiều tỉnh thành khác đã thu hút hàng chục nghìn người tham gia, tạo thành áp lực chính trị - xã hội chưa từng có đối với chính quyền Việt Nam Cộng hòa (17). Tính chất ôn hòa nhưng kiên định của phong trào, kết hợp với sự thống nhất hành động giữa các hệ phái qua Ủy ban Liên phái Bảo vệ Phật giáo, đã khiến chính quyền vừa phải đối thoại vừa gia tăng đàn áp, qua đó càng khoét sâu mâu thuẫn và khủng hoảng tính chính danh.

Tác động của phong trào vượt ra ngoài phạm vi quốc gia nhờ chiến lược truyền thông chủ động. Lãnh đạo Phật giáo đã tiếp xúc với phóng viên quốc tế, cung cấp thông tin, hình ảnh về các vụ đàn áp và các hành động hy sinh, trong đó nổi bật là sự kiện Bồ tát Thích Quảng Đức tự thiêu ngày 11/06/1963. Hình ảnh này được các hãng thông tấn lớn như AP, UPI, Reuters, AFP lan truyền toàn cầu, tạo cú sốc mạnh đối với công chúng quốc tế và làm dấy lên làn sóng chỉ trích chế độ Ngô Đình Diệm (18). Tại Mỹ, báo chí và Quốc hội đã đặt câu hỏi về tính chính danh của một chính quyền do Washington hậu thuẫn nhưng lại vi phạm nghiêm trọng tự do tôn giáo, dẫn đến việc chính quyền Kennedy xem xét lại chính sách đối với miền Nam Việt Nam.

Bên cạnh đó, phong trào còn nhận được sự ủng hộ của nhiều tổ chức tôn giáo và nhân quyền quốc tế. Các tuyên ngôn và thư ngỏ của Phật giáo miền Nam được dịch ra nhiều ngôn ngữ, gửi tới Liên Hiệp Quốc và các diễn đàn quốc tế, khẳng định lập trường hòa bình, tự quyết và chống lệ thuộc ngoại bang (19). Điều này không chỉ gia tăng sức ép ngoại giao đối với chính quyền Việt Nam Cộng hòa, mà còn góp phần định hình nhận thức toàn cầu về vai trò của tôn giáo trong đấu tranh chính trị ở Thế giới thứ ba.

Nhìn chung, phong trào “Hòa bình - Trung lập” đã thành công trong việc định hướng dư luận trong và ngoài nước, biến một cuộc đấu tranh tôn giáo thành một sự kiện chính trị - xã hội có tầm ảnh hưởng quốc tế, góp phần làm thay đổi cục diện chính trị miền Nam giai đoạn đầu thập niên 1960.

4.2. Tinh thần hòa bình và dân tộc

Phong trào “Hòa bình - Trung lập” của Phật giáo miền Nam năm 1963 bắt nguồn từ một nền tảng tư tưởng vững chắc, kết hợp giữa truyền thống từ bi, bất bạo động của Phật giáo và tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam. Trong bối cảnh chiến tranh leo thang và sự can thiệp sâu của Hoa Kỳ, các lãnh đạo Phật giáo đã kiên định kêu gọi giải pháp hòa bình cho miền Nam, phản đối mọi hình thức bạo lực, đồng thời khẳng định quyền tự quyết của dân tộc trước sức ép của các cường quốc. Đây không chỉ là một phản ứng tôn giáo trước sự đàn áp, mà còn là một chiến lược chính trị dựa trên nền tảng đạo đức và văn hóa dân tộc.

Tinh thần hòa bình của phong trào được thể hiện rõ qua các hình thức đấu tranh bất bạo động như tuyệt thực, cầu siêu, biểu tình ôn hòa và vận động quốc tế. Những hoạt động này phản ánh nguyên tắc “lấy từ bi thắng hung bạo”, đồng thời cho thấy sự gắn bó của Phật giáo Việt Nam với truyền thống hòa giải, dung hợp trong lịch sử dân tộc (20). Việc giữ vững lập trường bất bạo động giúp phong trào duy trì được tính chính danh, thu hút sự đồng cảm của các tầng lớp ngoài Phật giáo, kể cả một bộ phận trí thức và quân nhân vốn bất mãn với chế độ.

Bên cạnh tinh thần hòa bình, yếu tố dân tộc đóng vai trò hạt nhân trong mọi yêu sách và tuyên ngôn của phong trào. Khẩu hiệu “Hòa bình - Trung lập” không đơn thuần là mong muốn chấm dứt chiến tranh, mà còn là tuyên bố chống lại mọi hình thức lệ thuộc chính trị - quân sự vào ngoại bang, đồng thời khẳng định khát vọng xây dựng một miền Nam Việt Nam độc lập, tự chủ (21). Quan điểm này hòa quyện với truyền thống “hộ quốc an dân” của Phật giáo Việt Nam từ thời Lý - Trần, khi tôn giáo gắn bó chặt chẽ với sự tồn vong của quốc gia.

Chính sự kết hợp giữa tinh thần hòa bình và ý thức dân tộc đã tạo nên bản sắc riêng của phong trào, giúp nó vượt ra khỏi khuôn khổ một cuộc phản kháng tôn giáo để trở thành một phong trào chính trị - xã hội mang tầm vóc quốc gia. Đây cũng là yếu tố giải thích vì sao phong trào có thể lan tỏa mạnh mẽ, vừa chạm tới trái tim của hàng triệu Phật tử, vừa hòa nhập vào dòng chảy đấu tranh vì độc lập và thống nhất đất nước.

4.3. Hạn chế và khó khăn

Mặc dù phong trào “Hòa bình - Trung lập” của Phật giáo miền Nam năm 1963 đã đạt được những tác động đáng kể trong và ngoài nước, nhưng quá trình phát triển cũng gặp phải nhiều hạn chế và khó khăn cả khách quan lẫn chủ quan. Trước hết, môi trường chính trị - xã hội miền Nam giai đoạn này đầy rẫy áp lực và bạo lực từ phía chính quyền Việt Nam Cộng hòa, vốn xem phong trào như một mối đe dọa trực tiếp đến sự tồn tại của chế độ. Các biện pháp đàn áp như bắt bớ, giam giữ, kiểm soát gắt gao truyền thông và phong tỏa chùa chiền đã làm suy yếu khả năng huy động quần chúng và duy trì nhịp độ đấu tranh.

Thứ hai, phong trào phải đối mặt với sự xuyên tạc và chia rẽ từ các thế lực chính trị đối lập. Chính quyền và một số phương tiện truyền thông thân chính phủ đã cáo buộc phong trào bị “cộng sản lợi dụng” hoặc mang tính “phe phái tôn giáo”, nhằm làm giảm uy tín của lãnh đạo Phật giáo và gây hoang mang trong quần chúng. Sự tuyên truyền này, kết hợp với chiến lược “chia để trị” của chính quyền, đôi khi tạo ra nghi kỵ và bất đồng trong nội bộ phong trào, nhất là giữa các hệ phái và nhóm lãnh đạo địa phương.

Thứ ba, yếu tố quốc tế cũng vừa là cơ hội vừa là thách thức. Dù phong trào nhận được sự chú ý của báo chí và tổ chức quốc tế, nhưng các cường quốc, đặc biệt là Hoa Kỳ, vẫn ưu tiên duy trì một chính quyền chống cộng ở miền Nam, khiến cho áp lực quốc tế khó có thể chuyển hóa thành những thay đổi chính trị căn bản. Trong khi đó, một số nhà quan sát phương Tây coi yêu sách “trung lập” là thiếu thực tế trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh, làm giảm khả năng thuyết phục của phong trào trên trường quốc tế.

Cuối cùng, bản thân phong trào, dù có tổ chức tương đối chặt chẽ, vẫn thiếu một chương trình chính trị dài hạn và một cơ chế thống nhất để chuyển từ giai đoạn phản kháng sang giai đoạn xây dựng. Sự phụ thuộc vào uy tín cá nhân của các lãnh đạo chủ chốt khiến phong trào dễ bị tổn thương khi họ bị bắt giam, lưu đày hoặc mất liên lạc.

Tổng hợp các yếu tố trên cho thấy, phong trào “Hòa bình - Trung lập” đã phải hoạt động trong một môi trường đầy bất lợi, và chính những hạn chế, khó khăn này đã góp phần lý giải vì sao phong trào, dù có ảnh hưởng sâu rộng, vẫn không thể duy trì lâu dài sau biến động chính trị cuối năm 1963.

Kết luận

Phong trào “Hòa bình - Trung lập” của Phật giáo miền Nam năm 1963 không chỉ là một sự kiện phản kháng tôn giáo đơn thuần, mà là một hiện tượng chính trị - xã hội tiêu biểu, kết tinh sức mạnh của truyền thống nhập thế, tinh thần yêu nước và khát vọng hòa bình của dân tộc Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. Khởi nguồn từ biến cố Phật đản tại Huế, phong trào nhanh chóng lan rộng, hình thành một mặt trận quần chúng đông đảo, được tổ chức chặt chẽ và vận hành với chiến lược truyền thông sắc bén, tạo nên sức ép lớn chưa từng có đối với chính quyền Việt Nam Cộng hòa, đồng thời gây tiếng vang mạnh mẽ trên trường quốc tế. Thông qua các hình thức đấu tranh bất bạo động - từ tuyệt thực, biểu tình ôn hòa, cầu siêu tập thể đến hành động tự thiêu đầy chấn động của Bồ tát Thích Quảng Đức - phong trào đã bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời khẳng định lập trường kiên định về quyền tự quyết và độc lập dân tộc, chống lại mọi áp đặt của ngoại bang. Dù phải đối mặt với sự đàn áp khốc liệt, những chiến dịch xuyên tạc chính trị, hạn chế về chiến lược lâu dài và các khó khăn nội bộ, phong trào vẫn để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử hiện đại Việt Nam.

Giá trị bền vững của nó nằm ở chỗ chứng minh rằng tôn giáo, khi gắn bó với vận mệnh dân tộc, có thể trở thành một lực lượng xã hội - chính trị mạnh mẽ, biết kết hợp đạo đức từ bi với lập trường chính trị rõ ràng, tạo ra ảnh hưởng vượt ra ngoài biên giới quốc gia.

Phong trào “Hòa bình - Trung lập” vì thế không chỉ là một trang sử đấu tranh của Phật giáo miền Nam, mà còn là bài học lịch sử về sức mạnh của tinh thần bất bạo động, sự đoàn kết dân tộc và khả năng định hình tiến trình chính trị thông qua tiếng nói đạo đức.

Tác giả: **Phạm Quốc Trung - TS.Ngô Minh Hiệp**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Đại học sư phạm, đại học Huế.

2) Đại học Duy Tân

3) Karnow, S. (1983). *Vietnam: A history*. New York, NY: Viking Press. Tr.273

4) Hunt, R. A. (1995). *Pacification: The American struggle for Vietnam's hearts and minds*. Boulder, CO: Westview Press. Tr.211

- 5) Nguyễn, Lang. (2008). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo. Tr.45
- 6) Topmiller, Robert J. (2002). *The lotus unleashed: The Buddhist peace movement in South Vietnam, 1964-1966*. Lexington, KY: University Press of Kentucky. Tr.38
- 7) Miller, Edward. (2013). *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the fate of South Vietnam*. Cambridge, MA: Harvard University Press. Tr.205
- 8) Jacobs, Seth. (2004). *Cold War Mandarin: Ngo Dinh Diem and the origins of America's war in Vietnam, 1950-1963*. Lanham, MD: Rowman & Littlefield Publishers. tr.88
- 9) Topmiller, Robert J. (2002). *The lotus unleashed: The Buddhist peace movement in South Vietnam, 1964-1966*. Lexington, KY: University Press of Kentucky. tr.41
- 10) Miller, Edward. (2013). *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the fate of South Vietnam*. Cambridge, MA: Harvard University Press. tr.194
- 11) Nguyễn, Lang. (2008). *Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập 3*. Hà Nội: NXB Văn học. tr.212
- 12) Trần, Văn Giáp. (2008). *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội. tr.14
- 13) Lê, Mạnh Thát. (2014). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam: 1920-1975*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. Tr.188
- 14) Nguyễn, Lang. (2008). *Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập 3*. Hà Nội: NXB Văn học. tr.217
- 15) Lê, Mạnh Thát. (2014). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam: 1920-1975*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. tr.192
- 16) Trần, Văn Giáp. (2008). *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội. tr.148
- 17) Huỳnh Ngọc Trảng. (2001). *Lịch sử Phật giáo Sài Gòn - Gia Định*. Nxb. TP. Hồ Chí Minh. Tr.144
- 18) Jacobs, S. (2004). *Cold War Mandarin: Ngo Dinh Diem and the Origins of America's War in Vietnam*. Rowman & Littlefield. Tr.85

19) Miller, E. (2013). *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the Fate of South Vietnam*. Harvard University Press. Tr.176

20) Huỳnh Ngọc Trảng. (2001). *Lịch sử Phật giáo Sài Gòn - Gia Định*. Nxb. TP. Hồ Chí Minh. Tr.152

21) Chapman, J. (2019). *Buddhism and Politics in Vietnam*. Routledge. Tr.219

Tài liệu tham khảo:

1] Chapman, J. (2019). *Buddhism and Politics in Vietnam*. Routledge.

2] Hunt, R. A. (1995). *Pacification: The American struggle for Vietnam's hearts and minds*. Boulder, CO: Westview Press.

3] Huỳnh Ngọc Trảng. (2001). *Lịch sử Phật giáo Sài Gòn - Gia Định*. Nxb. TP. Hồ Chí Minh. Tr.144

4] Jacobs, Seth.(2004). *Cold War Mandarin: Ngo Dinh Diem and the origins of America's war in Vietnam, 1950-1963*. Lanham, MD: Rowman & Littlefield Publishers.

5] Karnow, S. (1983). *Vietnam: A history*. New York, NY: Viking Press.

6] Lê, Mạnh Thát. (2014). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam: 1920-1975*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

7] Miller, Edward. (2013). *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the fate of South Vietnam*. Cambridge, MA: Harvard University Press.

8] Nguyễn, Lang. (2008). *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn giáo.

9] Topmiller, Robert J. (2002). *The lotus unleashed: The Buddhist peace movement in South Vietnam, 1964-1966*. Lexington, KY: University Press of Kentucky.

10] Trần, Văn Giáp. (2008). *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.